

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023**

**I. Thông tin chung**

**1. Tên trường**

Tên trường: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Tên tiếng Anh: University of Management and Technology Ho Chi Minh City.

**2. Mã trường: UMT**

**3. Địa chỉ trụ sở**

Trụ sở chính: Đường 60CL, Khu Đô Thị Cát Lái, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

**4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: [www.umat.edu.vn](http://www.umat.edu.vn)**

**5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):**

<https://www.facebook.com/UMTUniversity>

**6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: +84 28 3636 9119**

**7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:** Trường tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2022 nên không có các nội dung về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

**8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:**

Năm 2022, trường tuyển sinh khóa đầu tiên với các thông tin cụ thể như sau:

**8.1. Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của năm 2022 trên trang thông tin điện tử của CSĐT: [www.umat.edu.vn](http://www.umat.edu.vn)**

**8.2. Phương thức tuyển sinh của năm 2022 (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)**

Phương thức	Mã Phương thức	Tên phương thức
PT1	100	Xét kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022
PT2	200	Xét kết quả học tập 3 năm THPT (học bạ) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 năm THPT (cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển

PT3	303	Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT
PT4	402	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của đại học Quốc gia TP.HCM năm 2022
PT5	301	Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT

### 8.3. Điểm trúng tuyển của năm 2022

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển theo PT1	Điểm trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển theo PT2	Điểm trúng tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D03, D07	15,00	3YS, 5HK, Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp (A00, A.01, D01, D03, D07)	6,0
2	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, D03, C00	15,00	3YS, 5HK, Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp (A00, A.01, D01, D03, C00)	6,0
3	Marketing	7340115				
4	Bất động sản	7340116				
5	Kinh doanh quốc tế	7340120				
6	Quản lý thể dục thể thao	7810301	A01, D01, D03, T00, T01	15,00	3YS, 5HK, Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp (A01, D01, D03, T00, T01)	6,0

### 9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: [www.umt.edu.vn](http://www.umt.edu.vn)

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Quản lý thể dục thể thao	7810301	363/QĐ-BGDĐT	25/01/2022			Bộ GD&ĐT	2022	2022
2	Công nghệ thông tin	7480201	3926/QĐ-BGDĐT	04/11/2021			Bộ GD&ĐT	2022	2022
3	Quản trị kinh doanh	7340101	3325/QĐ-BGDĐT	14/10/2021			Bộ GD&ĐT	2022	2022
4	Bất động sản	7340116	3925/QĐ-BGDĐT	04/11/2021			Bộ GD&ĐT	2022	2022
5	Marketing	7340115	4770/QĐ-BGDĐT	21/12/2021			Bộ GD&ĐT	2022	2022
6	Kinh doanh quốc tế	7340120	4771/QĐ-BGDĐT	21/12/2021			Bộ GD&ĐT	2022	2022
7	Truyền thông đa phương tiện	7320104	364/QĐ-BGDĐT	25/01/2022			Bộ GD&ĐT	2023	-
8	Thiết kế đồ họa	7210403	3326/QĐ-BGDĐT	14/10/2021			Bộ GD&ĐT	-	-
9	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	1666/QĐ-BGDĐT	15/6/2023			Bộ GD&ĐT	2023	-

**10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (phụ lục 1)**

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: [www.umt.edu.vn](http://www.umt.edu.vn)

**11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT:**  
[www.umt.edu.vn](http://www.umt.edu.vn)

**12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:** [www.umt.edu.vn](http://www.umt.edu.vn)

**13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:** [www.umt.edu.vn](http://www.umt.edu.vn)

**14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:** Không có

**II. Tuyển sinh đại học chính quy**

**1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:**

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào của mỗi phương thức, ngành tuyển sinh;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

**2. Phạm vi tuyển sinh**

Trường tổ chức tuyển sinh trong phạm vi cả nước, không giới hạn độ tuổi và năm tốt nghiệp của thí sinh tham gia xét tuyển vào Trường.

**3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)**

Năm 2023, Trường tổ chức tuyển sinh bằng hình thức xét tuyển đối với tất cả các ngành bậc đại học hệ chính quy theo các phương thức tuyển sinh như sau:

Phương thức	Mã Phương thức	Tên phương thức
PT1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

PT2	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12). - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 năm THPT (cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12) - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển. - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 học kỳ (cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12).
PT3	303	Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT
PT4	402	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2023
PT5	301	Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành

#### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh các ngành bậc đại học của Trường là **887**. Trường có kế hoạch phân bổ tổng chỉ tiêu của ngành cho từng phương thức như sau:

- Phương thức 1: **267** chỉ tiêu (30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)
- Phương thức 2: **443** chỉ tiêu (50% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)
- Phương thức 3: **89** chỉ tiêu (10% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)
- Phương thức 4: **79** chỉ tiêu (9% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)
- Phương thức 5: **9** chỉ tiêu (1% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Mã phương thức	Chỉ tiêu TS
1	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	100	30
2	7340115	Marketing			30
3	7340116	Bất động sản			30
4	7340120	Kinh doanh quốc tế			30
5	7480201	Công nghệ thông tin			30
6	7810301	Quản lý thể dục thể thao			30
7	7320104	Truyền thông đa phương tiện			30
8	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			57
9	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	200	50
10	7340115	Marketing			50
11	7340116	Bất động sản			50
12	7340120	Kinh doanh quốc tế			50
13	7480201	Công nghệ thông tin			50
14	7810301	Quản lý thể dục thể thao			50
15	7320104	Truyền thông đa phương tiện			50
16	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			93

STT	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Mã phương thức	Chỉ tiêu TS
17	7340101	Quản trị kinh doanh	Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT	303	10
18	7340115	Marketing			10
19	7340116	Bất động sản			10
20	7340120	Kinh doanh quốc tế			10
21	7480201	Công nghệ thông tin			10
22	7810301	Quản lý thể dục thể thao			10
23	7320104	Truyền thông đa phương tiện			10
24	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			19
25	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2023	402	9
26	7340115	Marketing			9
27	7340116	Bất động sản			9
28	7340120	Kinh doanh quốc tế			9
29	7480201	Công nghệ thông tin			9
30	7810301	Quản lý thể dục thể thao			9
31	7320104	Truyền thông đa phương tiện			9
32	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			16
33	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành	301	9
34	7340115	Marketing			
35	7340116	Bất động sản			
36	7340120	Kinh doanh quốc tế			
37	7480201	Công nghệ thông tin			
38	7810301	Quản lý thể dục thể thao			
39	7320104	Truyền thông đa phương tiện			
40	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			
			<b>Tổng cộng</b>		<b>887</b>

## 5. Ngưỡng đầu vào

Tùy theo từng phương thức tuyển sinh, Trường nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường và các điều kiện như sau:

### **Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Trường xét tuyển các ngành tuyển sinh bậc đại học với kết quả điểm của các thí sinh đã tham dự kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2023 và các tổ hợp môn thi xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và do Hội đồng tuyển sinh Trường quyết định. Mức điểm tối thiểu nhận hồ sơ xét tuyển của các tổ hợp môn là từ bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định trở lên. Thí sinh xem các tổ hợp môn xét tuyển tại “Bảng các ngành tuyển sinh năm 2023” của Đề án tuyển sinh này.

### **Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)**

#### **a) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và HK 1 lớp 12)**

Trường xét tuyển các ngành tuyển sinh bậc đại học với điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành. Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (làm tròn một số thập phân):

$$\text{Điểm ngưỡng đầu vào} = (\text{Điểm TB cả năm lớp 10} + \text{Điểm TB cả năm lớp 11} + \text{Điểm HK 1 lớp 12})/3$$

#### **b) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 năm THPT**

Trường xét tuyển các ngành tuyển sinh bậc đại học với điểm trung bình cộng các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành. Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (làm tròn một số thập phân):

$$\text{Điểm ngưỡng đầu vào} = (\text{Điểm TB cả năm lớp 10} + \text{Điểm TB cả năm lớp 11} + \text{Điểm TB cả năm lớp 12})/3$$

#### **c) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp 3 môn**

Trường xét tuyển các ngành tuyển sinh bậc đại học với điểm trung bình cộng cả năm lớp 12 theo tổ hợp 03 môn xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên. Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định.

Công thức tính điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (làm tròn một số thập phân):

$$\text{Điểm ngưỡng đầu vào} = (\text{Điểm TB lớp 12 môn 1} + \text{Điểm TB lớp 12 môn 2} + \text{Điểm TB lớp 12 môn 3})/3$$

**d) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 học kỳ (cả năm lớp 11 và HK 1 lớp 12)**

Trường xét tuyển các ngành tuyển sinh bậc đại học với điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành. Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (làm tròn một số thập phân):

*Điểm ngưỡng đầu vào = (Điểm HK 1 lớp 11 + Điểm HK 2 lớp 11 + Điểm HK 1 lớp 12)/3*

***Phương thức 3: Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT***

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng một trong các điều kiện theo yêu cầu đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành và của Trường đều có thể nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. Một trong các điều kiện chi tiết như sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế: IELTS từ 5,0 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 61 điểm trở lên hoặc TOEIC từ 600 điểm trở lên; Chứng chỉ SAT (800/1600).
- Có chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến lĩnh vực, ngành đăng ký xét tuyển của các đơn vị như Bộ Khoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, ARENA, APTECH. (Chứng chỉ MOS có điểm từ 700 trở lên; Chứng chỉ IT Passport/FE theo chuẩn CNTT Nhật bản do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp; Chứng chỉ nghề nghiệp ACCP/ DISM/ HDSE/ ACNA/ CPISM do Aptech cấp; CCENT, CCT, CCNA do Cisco cấp).
- Đạt giải Khuyến khích trở lên trong các cuộc thi Học sinh giỏi cấp tỉnh/TP, Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh/TP, Olympic truyền thống 30-4.
- Có chứng nhận Vận động viên (VĐV) cấp I quốc gia hoặc đăng cấp dự bị kiện tướng quốc gia, quốc tế; hoặc đạt huy chương tại Đại hội TDTT toàn quốc, Hội khỏe Phù Đổng khu vực/toàn quốc, các giải thể thao học sinh toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế; Huấn luyện viên đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia được Tổng cục TDTT xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ các giải thi đấu trong và ngoài nước.
- Có bằng Cao đẳng (hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT) của cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển.
- Học lực 3 năm THPT (lớp 10, lớp 11, lớp 12) được xếp loại Giỏi.

***Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2023***

Thí sinh có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức năm 2023 đạt từ 600 điểm trở lên (thang điểm 1200).



**Phương thức 5: Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành**

Trường tuyển thẳng tất cả thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký tuyển thẳng theo quy định.

**6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường**

- Mã trường: UMT

- Mã tổ hợp môn xét tuyển theo Phương thức 1 (Mã phương thức: 100)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	<ul style="list-style-type: none"> <li>•A00: Toán, Vật lý, Hóa học</li> <li>•A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh</li> <li>•D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp</li> <li>•D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học</li> </ul>
2	Quản trị kinh doanh	7340101	<ul style="list-style-type: none"> <li>•A00: Toán, Vật lý, Hóa học</li> <li>•A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh</li> <li>•D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp</li> <li>•C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý</li> </ul>
3	Marketing	7340115	
4	Bất động sản	7340116	
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	
6	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
7	Quản lý thể dục thể thao	7810301	<ul style="list-style-type: none"> <li>•A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh</li> <li>•D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp</li> <li>•B04: Toán, Sinh học, GD&amp;CD</li> <li>•B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh</li> </ul>
8	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	<ul style="list-style-type: none"> <li>•A00: Toán, Vật lý, Hóa học</li> <li>•A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh</li> <li>•D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp</li> <li>•D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học</li> </ul>

- Mã tổ hợp môn xét tuyển theo Phương thức 2 (Mã phương thức: 200)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	<ul style="list-style-type: none"> <li>•3YS: Điểm TB cả năm lớp 10, 11, 12</li> <li>•5HK: Điểm TB cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12</li> <li>•Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp               <ul style="list-style-type: none"> <li>- A00: Toán, Vật lý, Hóa học</li> <li>- A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh</li> <li>- D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp</li> <li>- D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học</li> </ul> </li> <li>•3HK: Điểm TB cả năm lớp 11 và HK1 lớp 12</li> </ul>
2	Quản trị kinh doanh	7340101	<ul style="list-style-type: none"> <li>•3YS: Điểm TB cả năm lớp 10, 11, 12</li> <li>•5HK: Điểm TB cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12</li> <li>•Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp               <ul style="list-style-type: none"> <li>- A00: Toán, Vật lý, Hóa học</li> <li>- A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh</li> <li>- D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp</li> <li>- C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý</li> </ul> </li> <li>•3HK: Điểm TB cả năm lớp 11 và HK1 lớp 12</li> </ul>
3	Marketing	7340115	
4	Bất động sản	7340116	
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	
6	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
7	Quản lý thể dục thể thao	7810301	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
8	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 3YS: Điểm TB cả năm lớp 10, 11, 12</li> <li>• 5HK: Điểm TB cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12</li> <li>• Điểm TB cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp               <ul style="list-style-type: none"> <li>- A00: Toán, Vật lý, Hóa học</li> <li>- A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh</li> <li>- D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp</li> <li>- D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học</li> </ul> </li> <li>3HK: Điểm TB cả năm lớp 11 và HK1 lớp 12</li> </ul>

- Mã tổ hợp môn xét tuyển theo Phương thức 3 (Mã phương thức: 303)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	<ul style="list-style-type: none"> <li>• UMT01: IELTS/TOEIC/TOEFL iBT/SAT</li> <li>• UMT02: Chứng chỉ Tin học Quốc tế</li> <li>• UMT03: Giải HSG cấp Tỉnh trở lên</li> <li>• UMT05: Bằng CD trở lên cùng ngành</li> <li>• UMT06: HSG 3 năm THPT</li> </ul>
2	Quản trị kinh doanh	7340101	<ul style="list-style-type: none"> <li>• UMT01: IELTS/TOEIC/TOEFL iBT</li> <li>• UMT03: Giải HSG cấp Tỉnh trở lên</li> <li>• UMT05: Bằng CD trở lên cùng ngành</li> <li>• UMT06: HSG 3 năm THPT</li> </ul>
3	Marketing	7340115	
4	Bất động sản	7340116	
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	
6	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
7	Quản lý thể dục thể thao	7810301	
8	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	<ul style="list-style-type: none"> <li>• UMT01: IELTS/TOEIC/TOEFL iBT</li> <li>• UMT03: Giải HSG cấp Tỉnh trở lên</li> <li>• UMT05: Bằng CD trở lên cùng ngành</li> <li>• UMT06: HSG 3 năm THPT</li> </ul>

- Mã tổ hợp môn xét tuyển theo Phương thức 4 (Mã phương thức: 402)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Công nghệ thông tin	7480201	<ul style="list-style-type: none"> <li>•NL1: Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP.HCM năm 2023</li> </ul>
2	Quản trị kinh doanh	7340101	
3	Marketing	7340115	
4	Bất động sản	7340116	
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	
6	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
7	Quản lý thể dục thể thao	7810301	
8	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	

**Các tiêu chí xác định xét tuyển và quyết định điểm trúng tuyển cho tất cả các ngành tuyển sinh của trường, theo từng phương thức như sau:**

***Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023***

Hội đồng tuyển sinh Trường quyết định điểm trúng tuyển căn cứ trên tổng điểm của tổ hợp môn xét tuyển (gồm điểm nhân hệ số, nếu có) và điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có); lấy điểm trúng tuyển từ cao xuống cho từng ngành và điểm không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định.

Trường không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ của thí sinh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT để tính điểm xét tuyển vào Trường.

***Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)***

**a) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và HK 1 lớp 12)**

Điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành (điểm làm tròn đến một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm xét tuyển:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm TB cả năm lớp 10} + \text{Điểm TB cả năm lớp 11} + \text{Điểm HK 1 lớp 12})/3 + \text{Điểm ưu tiên}$$

**b) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 năm THPT**

Điểm trung bình cộng các năm lớp 10, lớp 11 và cả năm lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành (điểm làm tròn đến một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm xét tuyển:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm TB cả năm lớp 10} + \text{Điểm TB cả năm lớp 11} + \text{Điểm TB cả năm lớp 12})/3 + \text{Điểm ưu tiên}$$

**c) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập cả năm lớp 12 theo tổ hợp 3 môn**

Điểm trung bình cộng 03 (ba) môn trong tổ hợp môn xét tuyển của cả năm lớp 12 từ 6.0 điểm trở lên cho tất cả các ngành (điểm làm tròn một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm xét tuyển:

*Điểm xét tuyển = (Điểm TB cả năm lớp 12 môn 1 + Điểm TB cả năm lớp 12 môn 2 + Điểm TB cả năm lớp 12 môn 3)/3 + Điểm ưu tiên*

**d) Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 học kỳ (cả năm lớp 11 và HK 1 lớp 12)**

Điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên cho tất cả các ngành (điểm làm tròn đến một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định. Công thức tính điểm xét tuyển:

*Điểm xét tuyển = (Điểm HK 1 lớp 11 + Điểm HK 2 lớp 11 + Điểm HK 1 lớp 12)/3 + Điểm ưu tiên*

***Phương thức 3: Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường UMT***

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và đáp ứng một trong các điều kiện theo yêu cầu của ngành và đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường đều có thể nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. Một trong các điều kiện chi tiết như sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế: IELTS từ 5,0 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 61 điểm trở lên hoặc TOEIC từ 600 điểm trở lên; Chứng chỉ SAT (800/1600).

- Có chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến lĩnh vực, ngành đăng ký xét tuyển của các đơn vị như Bộ khoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, ARENA, APTECH Ví dụ: Chứng chỉ MOS có điểm từ 700 trở lên; Chứng chỉ IT Passport/FE theo chuẩn CNTT Nhật bản do Bộ KH-CN cấp; Chứng chỉ nghề nghiệp ACCP/ DISM/ HDSE/ ACNA/ CPISM do Aptech cấp; CCENT, CCT, CCNA do Cisco cấp.

- Đạt giải Khuyến khích trở lên trong các cuộc thi Học sinh giỏi cấp tỉnh/TP, Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh/TP, Olympic truyền thống 30-4.

- Có chứng nhận Vận động viên (VĐV) cấp I quốc gia hoặc đẳng cấp dự bị kiện tướng quốc gia, quốc tế; hoặc đạt huy chương tại Đại hội TDTT toàn quốc, Hội khỏe Phù đồng khu vực/toàn quốc, các giải thể thao học sinh toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế; Huấn luyện viên đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia được Tổng cục TDTT xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ các giải thi đấu trong và ngoài nước.

- Có bằng Cao đẳng (hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT) trở lên của cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển.

- Học lực 3 năm THPT (lớp 10, lớp 11, lớp 12) được xếp loại Giỏi.

**Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2023**

Thí sinh có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức năm 2023 đạt từ 600 điểm trở lên (thang điểm 1200).

**Phương thức 5: Xét tuyển thẳng, theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành**

Trường tuyển thẳng tất cả thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký tuyển thẳng theo quy định tuyển thẳng.

## 7. Tổ chức tuyển sinh

### a) Thời gian tuyển sinh

Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển của từng đợt sẽ thông tin trong thông báo tuyển sinh của Trường. Tùy tình hình tuyển sinh các đợt của Trường, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định các ngành, chỉ tiêu cho các đợt tiếp theo nếu còn chỉ tiêu. Trường dự kiến thời gian cho các đợt nhận hồ sơ như sau:

Đợt xét tuyển sớm: Đối với phương thức 2, 3, 4 (theo phương thức riêng của Trường):

- Đợt 1: từ ngày 15/02/2023 đến ngày 27/04/2023
- Đợt 2: từ ngày 28/04/2023 đến ngày 01/06/2023
- Đợt 3: từ ngày 02/06/2023 đến ngày 03/07/2023

**Đợt xét tuyển chính thức (theo mốc thời gian chung của Bộ GD&ĐT) áp dụng cho tất cả các phương thức tuyển sinh**

- Đợt 4: từ ngày 10/07/2023 đến ngày 30/07/2023

**Đợt xét tuyển bổ sung:** Hội đồng tuyển sinh của trường quyết định và sẽ có thông báo hướng dẫn cụ thể.

### b) Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Đối với đợt xét tuyển sớm theo phương thức 2, 3, 4: Thí sinh đăng ký thông tin xét tuyển trực tuyến trên trang điện tử của Trường hoặc tải mẫu Phiếu đăng ký xét tuyển, và nộp kèm các hồ sơ liên quan (tùy theo phương thức xét tuyển).

- Đối với đợt xét tuyển chính thức: Thí sinh đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT đồng thời đăng ký thông tin xét tuyển trực tuyến trên trang điện tử của Trường nếu thí sinh chưa đăng ký xét tuyển sớm.

- Đối với các đợt xét tuyển bổ sung: Thí sinh theo dõi thông báo của Trường và đăng ký thông tin xét tuyển trực tuyến trên trang điện tử của Trường hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện.

Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển trực tuyến/ trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua bưu điện. Đối với hồ sơ gửi qua bưu điện, Trường sẽ căn cứ thời gian trên dấu bưu điện để xác định tính hợp lệ của hồ sơ cho từng đợt xét tuyển.

**c) Hồ sơ đăng ký xét tuyển**

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức phương thức 2, 3, 4 nộp các loại giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (điền thông tin tại đường dẫn <http://xettuyen.umt.edu.vn> hoặc tải mẫu).
- Bản photo Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời.
- Hồ sơ minh chứng tùy theo phương thức xét tuyển:

Mã phương thức	Hồ sơ minh chứng
200	Bản photo Học bạ THPT, Bản photo Hồ sơ minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có),
303	Bản photo của một trong các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế: IELTS từ 5,0 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 61 điểm trở lên hoặc TOEIC từ 600 điểm trở lên; Chứng chỉ SAT (800/1600)</li> <li>- Chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến lĩnh vực, ngành đăng ký xét tuyển của các đơn vị như Bộ hoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, ARENA, APTECH. (Chứng chỉ MOS có điểm từ 700 trở lên; Chứng chỉ IT Passport/FE theo chuẩn CNTT Nhật bản do Bộ KH-CN cấp; Chứng chỉ nghề nghiệp ACCP/ DISM/ HDSE/ ACNA/ CPISM do Aptech cấp; CCENT, CCT, CCNA do Cisco cấp).</li> <li>- Chứng nhận giải thưởng các cuộc thi Học sinh giỏi cấp tỉnh/TP, Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh/TP, Olympic truyền thống 30-4.</li> <li>- Có chứng nhận Vận động viên (VDV) cấp I quốc gia hoặc đẳng cấp dự bị kiện tướng quốc gia, quốc tế; hoặc đạt huy chương tại Đại hội TDTT toàn quốc, Hội khỏe Phù đồng khu vực/toàn quốc, các giải thể thao học sinh toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế; Huấn luyện viên đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia được Tổng cục TDTT xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ các giải thi đấu trong và ngoài nước.</li> <li>- Có bằng Tốt nghiệp Cao đẳng hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.</li> <li>- Học bạ THPT (nếu là học sinh giỏi 3 năm liền)</li> </ul>
402	Bản photo Giấy chứng nhận kết quả Kỳ thi năng lực của ĐHQG năm 2023

*Lưu ý: Thí sinh nộp bản photo có công chứng hoặc đem theo bản chính để đối chiếu.*

**d) Địa điểm và cách nộp hồ sơ xét tuyển sớm**

Thí sinh đăng ký hồ sơ xét tuyển sớm cho Trường theo cách thức như sau:

Cách 1: Đăng ký trực tuyến tại: <http://xettuyen.umt.edu.vn>

Cách 2: Đăng ký trực tiếp (và liên hệ tư vấn, hỗ trợ, giải đáp thắc mắc liên quan đến việc tổ chức xét tuyển của Trường): Phòng Hướng nghiệp và Tuyển sinh Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM

- Địa chỉ: Tầng 1, Đường 60CL, Khu đô thị Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM

- Điện thoại: 028 3535 9119

- Email: [tuyensinh@umt.edu.vn](mailto:tuyensinh@umt.edu.vn)

Cách 3: Thí sinh chuyển phát nhanh qua bưu điện (trên bì thư ghi rõ “Hồ sơ đăng ký xét tuyển đại học”) theo địa chỉ: Phòng Hướng nghiệp và Tuyển sinh, Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP. HCM – Đường 60CL, Khu đô thị Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM.

Cách 4: Scan các file và gửi vào email: [tuyensinh@umt.edu.vn](mailto:tuyensinh@umt.edu.vn)

**e) Đăng ký xét tuyển chính thức**

Thí sinh đăng ký xét tuyển tại Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT: <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn/>

**8. Chính sách ưu tiên**

Trường thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học đã ban hành về ưu tiên đối tượng, khu vực, xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng đối với các phương thức xét tuyển trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

Thời gian đăng ký xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**9. Lệ phí xét tuyển**

Nhằm tạo điều kiện cho thí sinh đăng ký xét tuyển, trường không thu lệ phí xét tuyển năm 2023 đối với phương thức tuyển sinh 2, 3, 4.

Thí sinh xét tuyển theo phương thức 1: đóng lệ phí theo quy định chung của Bộ GD&ĐT.

**10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)**

Học phí được quy định cho toàn bộ khóa học vào đầu mỗi khóa học. Học phí từng học kỳ, từng năm sẽ không giống nhau; phụ thuộc vào số lượng tín chỉ tương ứng với số lượng môn học đăng ký và lộ trình học tập và làm việc của sinh viên. Học phí toàn khóa (4 năm) bình quân từ 275 triệu đến 365 triệu, tùy ngành.



Trường Đại học UMT đảm bảo không tăng học phí trong suốt khóa học, áp dụng cho tất cả các ngành học.

Học phí dự kiến không bao gồm học phí các môn học lại, học cải thiện hoặc các môn học ngoài khung chương trình đào tạo.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Huỳnh Thúy Phương**



**Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng****CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG****1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (Người học)**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
B	ĐẠI HỌC		
	Đại học chính quy		66
1	Quản trị kinh doanh	7340101	9
2	Bất động sản	7340116	2
3	Marketing	7340115	13
4	Kinh doanh quốc tế	7340120	11
5	Công nghệ thông tin	7480201	26
6	Quản lý thể dục thể thao	7810301	5

**2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:**

Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 8,009
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 72
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	42	5.832,5
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	670
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	8	1.680
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ		
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ		
1.5	Số phòng học đa phương tiện	22	1.995

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	5	1487,5
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	850
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	5	6.895
4	Diện tích khác		
	Tổng	42	13.577,5

### 3. Danh sách giảng viên

STT	Họ và tên	Chức danh Khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Mã ngành giảng dạy
1	Nguyễn Xuân Minh Đức		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Bất động sản
2	Nguyễn Thị Quý Tình		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Bất động sản
3	Cù Thị Hiếu		Thạc sĩ	Quản lý phát triển đô thị	Bất động sản
4	Hồ Hữu Xuyên		Thạc sĩ	Sư phạm Kỹ thuật Điện	Bất động sản
5	Ngô Việt Trung		Thạc sĩ	Quy hoạch vùng và đô thị	Bất động sản
6	Trần Nam Quốc		Tiến sĩ	Kinh tế học	Bất động sản
7	Ngô Mạnh Duy		Thạc sĩ	Quản trị tài chính	Bất động sản
8	Lê Hữu Quân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Bất động sản
9	Trần Minh Quang		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Bất động sản
10	Mai Xuân Thanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Bất động sản
11	Nguyễn Phúc Lam Thy		Tiến sĩ	Kinh tế học	Bất động sản
12	Lê Vĩnh Phước		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện	Bất động sản
13	Huỳnh Bá Lân		Tiến sĩ	Toán học	Công nghệ thông tin
14	Trần Chí Hiếu		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
15	Nguyễn Minh Cương		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
16	Bùi Tường Thụy		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện	Công nghệ thông tin
17	Nguyễn Thiên Bình		Tiến sĩ	Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Chức danh Khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Mã ngành giảng dạy
18	Trần Đan Thư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
19	Nguyễn Tấn Trung		Tiến sĩ	Toán học	Công nghệ thông tin
20	Đình Lê Hoàng Anh		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Công nghệ thông tin
21	Mai Hoàng Xuân Lâm		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Công nghệ thông tin
22	Lê Thị Nguyệt Châu		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
23	Trần Minh Tuấn		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Công nghệ thông tin
24	Nguyễn Việt Hùng		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
25	Trương Bá Vinh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin
26	Nguyễn Hữu Thành Tâm		Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh doanh quốc tế
27	Nguyễn Việt Huy		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế
28	Huỳnh Thúy Phương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
29	Nguyễn Quang Dũng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
30	Nguyễn Thị Hoàng Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
31	Cù Việt Dũng		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế
32	Trần Minh Nhật		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
33	Bùi Thị Mai Vy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
34	Trần Thị Kim Cúc		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	Kinh doanh quốc tế
35	Lê Đức Thọ		Tiến sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
36	Nguyễn Huỳnh Phước An		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
37	Nguyễn Việt Hải		Thạc sĩ	Giáo dục học	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
38	Trịnh Quang Vinh		Tiến sĩ	Giáo dục học	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
39	Nguyễn Thị Quý Tinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
40	Lê Thế Vinh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý kỹ thuật	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
41	Nguyễn Hoài Trung		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

STT	Họ và tên	Chức danh Khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Mã ngành giảng dạy
42	Trần Dương Kim Yến		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
43	Nguyễn Vũ Thùy Linh		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
44	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Giáo dục học	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
45	Luong Văn Hà		Tiến sĩ	Khoa học quản lý	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
46	Hồ Thanh Phong	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
47	Ngô Mạnh Duy		Thạc sĩ	Quản trị tài chính	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
48	Lê Hữu Quân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
49	Hồ Linh Phước		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
50	Hồ Thanh Vũ		Thạc sĩ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
51	Nhan Thanh Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
52	Nguyễn Thị Hoàng Diễm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
53	Võ Thị Thúy Ngọc		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
54	Nguyễn Ngọc Phương Thành		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
55	Hoàng Gia Thịnh		Tiến sĩ	Kinh tế học	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
56	Dương Trần Trí Minh		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
57	Lâm Thùy Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
58	Trần Hà Giang		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
59	Nguyễn Thị Cúc		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

STT	Họ và tên	Chức danh Khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Mã ngành giảng dạy
60	Trần Đình Duy Thảo		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
61	Bùi Phương Thảo		Tiến sĩ	Marketing	Marketing
62	Vũ Lê Vân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing
63	Nguyễn Văn Khanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing
64	Lê Hữu Quang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing
65	Hoàng Thị Minh Phương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing
66	Nguyễn Hữu Hoàng		Thạc sĩ	Marketing	Marketing
67	Nguyễn Trần Như Oanh		Thạc sĩ	Marketing	Marketing
68	Mai Đạt Thịnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing
69	Lưu Nhật Lan		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing
70	Phạm Thị Huyền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing
71	Trương Hoàng Lương		Tiến sĩ	Kinh tế học	Marketing
72	Trần Trọng Lễ		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
73	Nguyễn Trọng Nghĩa		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
74	Đỗ Văn Chất		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
75	Nguyễn Trọng Nguyên		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
76	Nguyễn Trà Giang		Tiến sĩ	Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
77	Nguyễn Trọng Tú		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
78	Nguyễn Thị Kim Thi		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao
79	Lê Thị Hoàng Hào		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản lý thể dục thể thao
80	Nguyễn Hồ Thanh Vân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
81	Hồi Nguyễn Trúc Khuê		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
82	Nguyễn Hồng Mạnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
83	Huỳnh Thị Ngọc Trâm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
84	Phạm Thanh Sang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
85	Dương Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh Khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Mã ngành giảng dạy
86	Đình Duy Vinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
87	Nguyễn Hồng Thân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
88	Dương Trần Minh Đoàn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
89	Phạm Hoàng Minh Ngọc		Thạc sĩ	Khoa học thư viện	Truyền thông đa phương tiện
90	Nguyễn Ngọc Lý		Thạc sĩ	Quản trị công nghệ truyền thông	Truyền thông đa phương tiện
91	Hoàng Thị Thục	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin quản lý	Truyền thông đa phương tiện
92	Nguyễn Trọng Nghĩa		Thạc sĩ	Giáo dục học	Truyền thông đa phương tiện
93	Nguyễn Xuân Minh Đức		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Truyền thông đa phương tiện
94	Lê Hữu Quang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Truyền thông đa phương tiện
95	Ngô Việt Trung		Thạc sĩ	Quy hoạch vùng và đô thị	Truyền thông đa phương tiện
96	Bùi Phan Khánh		Thạc sĩ	Xã hội học	Truyền thông đa phương tiện
97	Trần Dương Kim Yên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Truyền thông đa phương tiện
98	Huỳnh Bích Phương		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất	Truyền thông đa phương tiện
99	Lê Kim An Nhiên		Thạc sĩ	Truyền thông quốc tế	Truyền thông đa phương tiện
100	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Giáo dục học	Truyền thông đa phương tiện
101	Mai Xuân Thanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Truyền thông đa phương tiện
102	Nguyễn Hải Trường An		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Truyền thông đa phương tiện
103	Huỳnh Thanh Xuân		Thạc sĩ	Khoa học thư viện	Truyền thông đa phương tiện
104	Quách Cảnh Toàn		Thạc sĩ	Báo chí học	Truyền thông đa phương tiện
105	Nguyễn Bích Thảo		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Truyền thông đa phương tiện
106	Lê Vĩnh Phước		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện	Truyền thông đa phương tiện
107	Đặng Thị Hương		Thạc sĩ	Báo chí học	Truyền thông đa phương tiện
108	Lê Thị Hoàng Hào		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Truyền thông đa phương tiện
109	Nguyễn Hữu Hoàng		Thạc sĩ	Marketing	Truyền thông đa phương tiện
110	Nguyễn Thu Hương		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử điện	Truyền thông đa phương tiện